

Số: 1065/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 23 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục các tuyến đường được phép sử dụng một phần lòng đường để đỗ xe có thu phí và danh mục các công trình, tuyến phố được phép sử dụng một phần hè phố vào việc kinh doanh, buôn bán có thu phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Căn cứ Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phân cấp quản lý đường đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 718/TTr-SXD ngày 8 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục các tuyến đường được phép sử dụng một phần lòng đường để đỗ xe có thu phí và danh mục các công trình, tuyến phố được phép sử dụng một phần hè phố vào việc kinh doanh, buôn bán có thu phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Danh mục các tuyến đường được phép sử dụng một phần lòng đường để đỗ xe có thu phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Phụ lục I.

2. Danh mục các công trình, tuyến phố được phép sử dụng một phần hè phố vào việc kinh doanh, buôn bán có thu phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Phụ lục II.

Điều 2. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thực hiện:

1. Triển khai công tác quản lý và sử dụng một phần lòng đường để đỗ xe có thu phí, sử dụng một phần hè phố vào việc kinh doanh, buôn bán có thu phí theo danh mục đã được thông qua.

2. Việc sử dụng một phần lòng đường để đỗ xe phải đảm bảo điểm đỗ xe cách nút giao thông tối thiểu 5m tính từ mép đường giao nhau, vị trí đỗ xe phải được lắp đặt biển báo và sơn kẻ vạch rõ ràng. Xe ô tô phải đỗ thành hàng thuận theo chiều làn đường xe chạy có chứa điểm đỗ xe; không được cấm cọc, chằng dây, rào chắn dưới lòng đường, không cản trở lối đi dành cho người đi bộ tại các vị trí sang đường, không gây cản trở cho các phương tiện tham gia giao thông; đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị; không ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của hộ gia đình và cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp nhà, công trình xây dựng dọc tuyến đường đó.

Việc sử dụng một phần vỉa hè của hè phố phục vụ kinh doanh buôn bán phải đảm bảo an toàn, thuận tiện giao thông; bảo đảm mỹ quan, vệ sinh môi trường đô thị và không ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của hộ gia đình, chủ công trình trên tuyến phố; chiều rộng hè phố còn lại dành cho người đi bộ tối thiểu là 1,5m.

3. Báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh, các kiến nghị liên quan đến việc tổ chức thực hiện nêu trên về Sở Xây dựng để xem xét, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Cao Bằng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH Cao Bằng, Báo Cao Bằng;
- VP: PCVP (đ/c Chinh, Hoàn); CV: KT (TrXD);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT (HGT.06b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng
Email: vpubnd@caobang.gov.vn



Hoàng Xuân Ánh

PHỤ LỤC I:
Danh mục các tuyến đường được phép sử dụng
một phần lòng đường để đỗ xe có thu phí

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Ghi chú
Thành phố Cao Bằng						
1	Đường Tuyến D2 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt tuyến N1 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt với tuyến N6 Khu TTHC tỉnh	600	48,0	Đỗ xe hai bên đường
2	Đường Tuyến D3 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt tuyến N2 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt với tuyến N3 Khu TTHC tỉnh	150	12,0	Đỗ xe bên phải
3	Đường Tuyến D4 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt tuyến N4 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt với tuyến N5 Khu TTHC tỉnh	120	12,0	Đỗ xe bên phải
4	Đường Tuyến D5 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt tuyến N6 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt với đường khu tái định cư Đề Thám	220	12,0	Đỗ xe bên phải
5	Đường Tuyến N1 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt đường 58m	Giao cắt tuyến D2 Khu TTHC tỉnh	400	15,0	Đỗ xe hai bên đường
6	Đường Tuyến N3 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt đường 58m	Giao đường tránh Quốc lộ 3	640	12,0	Đỗ xe bên phải
7	Đường Tuyến N4 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt đường 58m	Giao đường tránh Quốc lộ 3	650	12,0	Đỗ xe bên phải
8	Đường Tuyến N6 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt tuyến D2 Khu TTHC tỉnh	Giao đường tránh Quốc lộ 3	260	12,0	Đỗ xe bên phải
9	Đường tuyến E Khu TTHC tỉnh	Giao cắt với đường phía Nam (đường 58m)	Giao cắt với đường Phai Khắt - Nà Ngân (QL3 cũ)	620	12,0	Đỗ xe bên phải

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Ghi chú
10	Đường Phai Khắt - Nà Ngần (đoạn gần dốc cứu hỏa)	Số nhà 80, tổ 17 cũ, phường Sông Hiến (khu vực đối diện nhà hàng Dê Ré)	Ngã ba đường vào khu cơ khí, tổ 15 cũ, phường Sông Hiến	400	12	Bố trí, cho phép đỗ xe một bên cùng phía tiếp giáp đường cứu hỏa cũ
11	Khu vực vỉa hè trước công rạp hát ngoài trời	Trước công rạp hát ngoài trời, phường Hợp Giang		Đất trống, diện tích khoảng 700m ²		Bố trí điểm đỗ xe ô tô
12	Đường Hiến Giang	Trạm biến áp tổ 4	Ngõ 025 tiếp giáp trường Mầm non 1-6	50	20	Đỗ xe một bên cùng phía bờ sông
13	Phố Kim Đồng	Ngã tư giao cắt với đường Hoàng Đình Giông	Ngã ba giao cắt với đường Tân An	550	17	Bố trí đỗ xe cả 2 bên đường.
14	Đường Pác Bó	Khu vực trước cửa bến xe cũ		100	17	Bố trí đỗ xe trước bến xe cũ
15	Hoàng Đình Giông	Ngã tư giao cắt với phố Hoàng Như	Ngã tư giao cắt với phố Kim Đồng	190	10,5	Đỗ xe bên phải
Huyện Quảng Hòa						
<i>Thị trấn Tà Lùng</i>						
1	Đoạn Ngã 3 sân bóng đá mini – rẽ nhà máy đường	Đoạn Ngã 3 sân bóng đá mini	rẽ nhà máy đường	450	10,5	Đỗ xe một bên đường (phía trước nhà máy đường)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Ghi chú
2	Rẽ nhà máy đường hướng về tổ dân phố Hưng Long	Nhà máy đường	Tổ dân phố Hưng Long	250	10,5	Đỗ xe bên phải
3	Đoạn khu Tái định cư 47.3 và 47.4	Trước khu tái định cư 47.3 và 47.4		250	10,5	Đỗ xe bên phải
4	Đoạn rẽ Hải quan – Quốc lộ 3	Rẽ trụ sở Hải quan Tà Lùng	Quốc lộ 3	240	23	Bố trí đỗ xe cả 2 bên đường
Thị trấn Hòa Thuận						
1	Trước Quảng trường Hòa Thuận	Trước Quảng trường Hòa Thuận		90	30	Một bên phía trước quảng trường
Huyện Bảo Lâm						
1	Đường lên trường Trung học phổ thông huyện Bảo Lâm	Ngã 3 đường đi Trung tâm y tế huyện Bảo Lâm	Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Bảo Lâm	250	10,5	Đỗ xe bên phải

Ghi chú:

Điểm đỗ xe phải cách nút giao thông tối thiểu 5m tính từ mép đường giao nhau, vị trí đỗ xe phải được lắp đặt biển báo và sơn kẻ vạch rõ ràng.

Xe ô tô phải đỗ thành hàng thuận theo chiều làn đường xe chạy có chứa điểm đỗ xe; không được cắm cọc, chằng dây, rào chắn dưới lòng đường, không cản trở lối đi dành cho người đi bộ tại các vị trí sang đường.

PHỤ LỤC II:
Danh mục các công trình, tuyến phố được phép sử dụng một phần hè phố
vào việc kinh doanh, buôn bán có thu phí

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng vỉa hè	Ghi chú
Thành phố Cao Bằng						
1	Đường Tuyến D2 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt tuyến N1 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt với tuyến N6 Khu TTHC tỉnh	600	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến
2	Đường Tuyến D1 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt tuyến N4 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt với đường khu tái định cư Đê Thám	400	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến
3	Đường Tuyến D5 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt tuyến N6 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt với đường khu tái định cư Đê Thám	220	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến
4	Đường Tuyến N1 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt đường 58m	Giao cắt tuyến D2 Khu TTHC tỉnh	400	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến
5	Đường Tuyến N2 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt đường 58m	Giao cắt tuyến D2 Khu TTHC tỉnh	400	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến
6	Đường Tuyến N3 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt đường 58m	Giao đường tránh Quốc lộ 3	640	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến
7	Đường Tuyến N4 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt đường 58m	Giao đường tránh Quốc lộ 3	650	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến
8	Đường Tuyến N5 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt đường 58m	Giao cắt tuyến D2 Khu TTHC tỉnh	400	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến
9	Đường Tuyến N6 Khu TTHC tỉnh	Giao cắt tuyến D2 Khu TTHC tỉnh	Giao đường tránh Quốc lộ 3	260	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến
10	Đường Tuyến E Khu TTHC tỉnh	Giao cắt với đường phía Nam (đường 58m)	Giao cắt với đường Phai Khắt – Nà Ngần (QL3 cũ)	620	Mỗi bên rộng 6,0m	Sử dụng toàn tuyến

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng vỉa hè	Ghi chú
11	Phố Kim Đồng (phường Hợp Giang)	Ngã ba giao cắt phố Xuân Trường	Ngã ba giao cắt đường Tân An (công rạp hát ngoài trời)	650	Mỗi bên rộng 6,0m	- Phần vỉa hè trước các nhà dân: kẻ vạch giới hạn ưu tiên cho các chủ hộ có nhu cầu thuê; - Phần vỉa hè trước chợ, các trụ sở cơ quan, trường học bố trí cho thuê một phần đảm bảo theo quy định
12	Phố Thầu	Vườn hoa số 1 (cồn nước)	Vườn hoa số 2 (gần khách sạn Hương Sen)	220	Vỉa hè đoạn cây đa rộng 6,0m dài 71m; đoạn còn lại rộng trung bình từ 3-4m	- Vỉa hè đoạn cây đa rộng 6,0m dài 71m: kẻ ô cho thuê; - Phần vỉa hè rộng trung bình từ 3-4m: ưu tiên cho các hộ gia đình dọc trên tuyến.

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng vỉa hè	Ghi chú
13	Phố Bế Văn Đàn	Ngã ba giao cắt phố Cũ (đốc Hợp Thành)	Ngã ba giao cắt với phố Lý Tự Trọng	700	Mỗi bên rộng trung bình từ 3 đến 5m	- Phần vỉa hè trước các nhà dân: kẻ vạch giới hạn ưu tiên cho các chủ hộ có nhu cầu thuê; - Phần vỉa hè trước các trụ sở cơ quan, trường học bố trí cho thuê một phần đảm bảo theo quy định
14	Phố Cũ	Ngã tư giao cắt đường Hoàng Đình Giông	Ngã giao cắt với phố Bế Văn Đàn	500	Mỗi bên rộng trung bình từ 3,0 đến 5,0m (chỉ sử dụng tại các vị trí đủ điều kiện)	Chỉ sử dụng một phần vỉa hè của một số đoạn trên tuyến
15	Phố Xuân Trường	Ngã tư giao cắt phố Hiến Giang	Ngã ba giao cắt với phố Kim Đồng	500	Mỗi bên rộng trung bình từ 3,0 đến 5,0m	Chỉ sử dụng một phần vỉa hè của một số đoạn trên tuyến

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng vỉa hè	Ghi chú
16	Đường 3-10	Đầu cầu Nà Cạn	Đầu cầu Hoàng Ngà	900	Mỗi bên rộng trung bình từ 3,0 đến 5,0m	- Phần vỉa hè trước các nhà dân: kẻ vạch giới hạn ưu tiên cho các chủ hộ có nhu cầu thuê; - Các vị trí khác kẻ vạch phân ô cho thuê.
17	Đường Pác Bó	Khu vực đối diện bến xe cũ		80	Vỉa hè rộng trung bình từ 5,0 đến 8,0m	Kẻ vạch phân ô cho thuê
18	Đường tránh Quốc lộ 3 (02 bên đường đoạn lên Gia Bình thuộc phường Ngọc Xuân)	Gần vòng xuyên ngã tư Ngọc Xuân (đầu cầu Nà Cáp)	Khu Gia Bình, phường Ngọc Xuân	200	Mỗi bên rộng 6m	chỉ sử dụng một phần vỉa hè của một số đoạn trên tuyến
Huyện Quảng Hòa						
<i>Thị Trấn Hòa Thuận</i>						
1	Đoạn vòng xuyên khu vực các tổ dân phố 4,5,6 đến đầu đường rẽ vào trường PTDT nội trú	Đoạn vòng xuyên khu vực các tổ dân phố 4,5,6	Đường rẽ vào trường PTDT nội trú	450	Mỗi bên rộng 4,5m	Sử dụng toàn tuyến
2	Quảng trường Hòa Thuận – đầu đường quy hoạch rẽ vào xóm Bó Luông	Quảng trường Hòa Thuận	Đầu đường quy hoạch rẽ vào xóm Bó Luông	90	Mỗi bên rộng 4,5m	Sử dụng một bên vỉa hè phía hộ dân cư

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng vỉa hè	Ghi chú
3	Đầu đường rẽ vào xóm Bó Luông hiện trạng- Ngã 3 Xuân Hòa cũ(tổ dân phố 03)	Đầu đường rẽ vào xóm Bó Luông hiện trạng	Ngã 3 Xuân Hòa cũ(tổ dân phố 03)	960	Mỗi bên rộng 4,5m	Sử dụng toàn tuyến
<i>Thị trấn Tà Lùng</i>						
1	Đoạn ngã 3 sân đá bóng mini – rẽ nhà máy đường	Ngã 3 sân bóng mini	Nhà máy đường	450	6m	Một bên phía trước nhà máy đường
2	Rẽ nhà máy đường hướng về tổ dân phố Hưng Long	Rẽ nhà máy đường	Hướng về tổ dân phố Hưng Long	450	Mỗi bên rộng 6m	Sử dụng toàn tuyến
3	Đoạn khu tái định cư 47.3 và 47.4			450	Mỗi bên rộng 6m	Sử dụng toàn tuyến
4	Đoạn rẽ hải quan – Quốc lộ 3	Rẽ trụ sở Hải quan Tà Lùng	Quốc lộ 3	240	Mỗi bên rộng 6m	Sử dụng toàn tuyến (trừ đoạn cạnh trụ sở hải quan)
5	Đoạn dọc Quốc lộ 3 Phía Khoang- Ngã 3 rẽ BQL cửa khẩu Tà Lùng	Đầu quốc lộ 3 Phía Khoang	Ngã 3 rẽ BQL cửa khẩu Tà Lùng	410	Mỗi bên rộng 4,5m	Một bên phía Khách sạn Tà Lùng
6	Đối diện khách sạn Tà Lùng- Ngã 3 rẽ ra cửa khẩu quốc tế Tà Lùng	Đối diện khách sạn Tà Lùng	Ngã 3 rẽ ra cửa khẩu quốc tế Tà Lùng	280	Mỗi bên rộng 4,5m	Một bên phía đối diện khách sạn Tà Lùng
7	Đoạn ngã 3 rẽ ra cửa khẩu quốc tế Tà Lùng – Trạm Barie số 2	Ngã 3 rẽ ra cửa khẩu quốc tế Tà Lùng	Trạm Barie số 2	170	Mỗi bên rộng 4,5m	Sử dụng toàn tuyến từ 18h00

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Chiều rộng vỉa hè	Ghi chú
8	Đoạn khu dân cư Phía Khoang- Chùa Trúc Lâm Tà Lùng, khu tái định cư 47.1	Khu dân cư Phía Khoang	Chùa Trúc Lâm Tà Lùng, khu tái định cư 47.1	260	Mỗi bên rộng 4,5m	Sử dụng toàn tuyến
9	Đoạn từ giáp tường rào Trụ sở Vinaphone - Đối diện Nhà hội đàm Biên phòng	Đoạn từ giáp tường rào Trụ sở Vinaphone	Đối diện Nhà hội đàm Biên phòng	200	Mỗi bên rộng 6m	Một bên phía đối diện BQL cửa khẩu Tà Lùng
10	Đoạn rẽ vào đường đi Lũng Om- Đoạn rẽ vào tỉnh lộ 205	Đoạn rẽ vào đường đi Lũng Om	Đoạn rẽ vào Tỉnh lộ 205	1000	Mỗi bên rộng 4,5m	Sử dụng toàn tuyến
Huyện Nguyên Bình						
<i>Thị trấn Nguyên Bình</i>						
1	Đoạn Km209+100 đến Km211+860	Tiếp giáp xã Thể Dục	Ngã 3 đường rẽ đi xã Tam Kim		Chiều rộng từ 1m đến 3m	Sử dụng những đoạn có hè phố rộng 3m trên tuyến

Ghi chú: Việc sử dụng một phần vỉa hè phố phục vụ kinh doanh buôn bán phải đảm bảo an toàn, thuận tiện giao thông; bảo đảm mỹ quan, vệ sinh môi trường đô thị và không ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của hộ gia đình, chủ công trình trên tuyến phố; Chiều rộng hè phố còn lại dành cho người đi bộ tối thiểu là 1,5m.